

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ thường trú: số XYZ, khu phố X, Phường ĐHT, Quận XY, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ tạm trú: ấp XY, xã MHN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

(Bà L có mặt; ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Bùi Thị L trình bày:

Do quen biết và được gia đình đồng ý nên Bà Bùi Thị L với ông Nguyễn Đình K xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 1993; có đăng ký kết hôn tại UBND Phường X, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/9/1993. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Phường X, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm

2017 thì vợ chồng về ấp XY, xã MHN, huyện ĐH sống cho đến nay. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 2018 thì bà L phát hiện ông K có quan hệ ngoại tình với nhiều người và hiện nay đã đưa một người về sống chung nhà nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, gây gổ; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay; đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành.

Bà L yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà L với ông K có 02 con chung tên Nguyễn Khánh Linh, sinh năm 1994 và Nguyễn Đăng Khoa, sinh năm 1997; đều trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung với ông K.

Bị đơn ông Nguyễn Đình K vắng mặt và không có văn bản ghi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn ông K vắng mặt nên vụ án không hoà giải được và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K; thừa nhận có 2 con chung với ông K là Nguyễn Khánh Linh và Nguyễn Đăng Khoa; đều trưởng thành; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông K.

Bị đơn ông K vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình K. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp ly hôn”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Đình K vắng mặt tại phiên toà nhưng đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về tình cảm vợ chồng; con chung đã thành niên; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 16/9/1993 của UBND Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và sự thừa nhận của đương sự thì bà L và ông K xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/9/1993 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L với ông K là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và khi Tòa án tổ chức các buổi hòa giải ông K đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L đối với ông K.

[6] Theo Giấy khai sinh số 109/94 ngày 19/8/1994 và số 59/99 ngày 19/4/1999 của UBND Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và sự thừa nhận của đương sự thì bà L và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Khánh Linh, sinh năm 1994 và Nguyễn Đăng Khoa, sinh năm 1997; đều đã thành niên nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung nên không đề cập.

[9] Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Bùi Thị L đối với ông Nguyễn Đình K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

Về nuôi con chung: Bà Bùi Thị L với ông Nguyễn Đình K có hai con chung tên Nguyễn Khánh Linh, sinh năm 1994 và Nguyễn Đăng Khoa, sinh năm 1997; đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung với nhau.

Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai số 0003871 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND Phường X, Quận GV, TP. HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương